

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/HNGĐ-PT
Ngày 19 – 12 – 2022
Về việc yêu cầu huỷ kết hôn trái
pháp luật và huỷ giấy khai sinh

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Hồng

Ông Nguyễn Hữu Lương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2022/TLPT-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc “Yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật và huỷ giấy khai sinh”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 78/2022/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 69/2022/QĐPT-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Tâm H, sinh năm 1959; (có mặt).

Địa chỉ: Số xx/3, Lộ x, khu phố x, phường x, thành phố B, tỉnh B.

Chỗ ở hiện nay: Số xx, ấp x, Cầu H, xã N, huyện G, tỉnh B.

- Bị đơn: Bà Tống Thị L, sinh năm 1962; (có mặt).

Địa chỉ: Số xx/3, Lộ x, khu phố x, phường x, thành phố B, tỉnh B.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị Diễm H1, sinh năm 1991; (có mặt).
2. Bà Lê Thị Thủy T, sinh năm 1995; (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số xx/3, Lô x, khu phố x, phường x, thành phố B, tỉnh B.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Lê Tâm H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Lê Tâm H trình bày:

Bà Tống Thị L đã lừa dối ông đi đăng ký kết hôn và đăng ký khai sinh cho Lê Thị Diễm H1, Lê Thị Thủy T do UBND Phường 4 cấp ngày 01/10/1996. Bà L đã lợi dụng đợt tổng kiểm tra dân số và hộ tịch toàn quốc vào tháng 10/1996, lúc này ông H đang làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nay ông yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông Lê Tâm H và bà Tống Thị L vào ngày 01/10/1996. Lý do: ông H không có ký tên vào giấy chứng nhận kết hôn, bà L còn giả chữ ký của ông H và đồng thời ghi số CMND của ông H sai, bà L tự ý ghi tên là Lê Tâm H vào giấy khai sinh của Lê Thị Diễm H1, Lê Thị Thủy T được UBND Phường 4 cấp ngày 01/10/1996. Ngoài ra, trong giấy chứng nhận kết hôn đóng dấu cấp lại mà đây là cấp lần đầu mà đóng dấu cấp lại là sai so với thực tế. Ngoài ra, khi bà L đi đăng ký kết hôn thì bà L không có hộ khẩu thường trú tại: số 30/3 Lô 4, khu phố 3, Phường 4, thành phố Bến Tre mà đến ngày 19/7/1997 bà L mới có đăng ký hộ khẩu tại địa chỉ trên do Tòa án xét xử phần đất mà ông nội ông để lại cho ông mà Tòa án đã tuyên phần đất này là sở hữu chung giữa ông, bà L, bà Diễm H1, bà Thủy T là không đúng, hiện nay ông không muốn những người này liên quan đến phần đất này nữa, để một mình ông đứng tên, do đó ông khởi kiện yêu cầu hủy kết hôn với bà L và hủy giấy khai sinh của Diễm H1 và Thủy T. Mặc khác, đến năm 2001 thì ông H mới biết việc đăng ký kết hôn này nhưng do ông có nhiều việc phải làm nên ông không có khiếu nại việc cấp giấy chứng nhận kết hôn này đến cơ quan cấp giấy. Đồng thời ông H còn yêu cầu Tòa án hủy 02 giấy khai sinh cấp cho Lê Thị Diễm H1 và Lê Thị Thủy T cùng ngày 01/10/1996, do bà L tự ý ghi tên người cha là ông Lê Tâm H chứ ông không có đi đăng ký.

Tại Bản tự khai, phiên họp công khai chứng cứ và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Tống Thị L trình bày:

Bà và ông Lê Tâm H quen biết và có quan hệ với nhau vào năm 1990, đến năm 1991 thì sinh bà Lê Thị Diễm H1 (hai người không có tổ chức đám cưới do lúc này ông H đang có vợ) đến năm 1992 ông nội của ông H là ông Lê Văn Bảy cho bà vào sinh sống tại số nhà 30/3 Lô 4, khu phố 3, Phường 4, thành phố Bến Tre cho đến nay, lúc này thì ông H đang sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 1994, ông H mới về Bến Tre sinh sống và đến năm 1995 thì bà sinh bà Lê Thị Thủy T. Năm 1996, lúc này ông H đi làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh,

UBND Phường 4 có thông báo đến tất cả người dân đi làm giấy khai sinh và đi đăng ký kết hôn; lúc này cán bộ UBND Phường 4 đến tận nhà số 30/3 hỏi ghi tên tuổi về cấp giấy chứng nhận kết hôn cho bà và ông H, đồng thời cấp 02 giấy khai sinh cho hai con là Diễm H1 và Thủy T. Bà L khẳng định bà không có đi đến UBND Phường 4 để xin đăng ký. Ngoài ra, vào năm 2003 ông H có ép buộc bà làm đơn xin ly hôn và sau đó là đơn thỏa thuận ly dị để cả hai cùng ký tên vào. Việc ông H cho rằng Diễm H1 và Thủy T không phải là con của ông thì tại sao ông không đồng ý cung cấp mẫu giám định ADN để Tòa án trưng cầu giám định. Mặt khác, nếu ông bà không phải là vợ chồng thì tại sao ông H sử dụng giấy chứng nhận kết hôn này để đi khởi kiện tranh chấp đất đai tại Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre và thực tế thì ông H có sử dụng giấy khai sinh để đi khởi kiện và ghi tên bà là vợ. Việc bà và ông H là vợ chồng và có hai người con là Diễm H1, Thủy T có Trường khu phố và hai bên gia đình biết và xác nhận điều này. Bà L khẳng định việc bà được Ủy ban nhân dân phường 4 cấp giấy chứng nhận kết hôn cho bà và giấy khai sinh cho Diễm H1, Thủy T là đúng theo quy định của pháp luật về việc cấp lại này là làm theo chủ trương chung của tỉnh Bến Tre vào năm 1996. Vì vậy, bà không đồng ý với yêu cầu của ông H.

Tại bản tự khai; phiên họp công khai chứng cứ và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thủy T và bà Lê Thị Diễm H1 đồng trình bày:

Bà H1 và bà T không đồng ý yêu cầu của ông Lê Tâm H về việc hủy giấy khai sinh của các bà với lý do: Từ nhỏ đến nay hai bà đi học và đi làm việc đã dùng giấy khai sinh này, trong gia đình nội, ngoại, bà con chòm xóm nơi hai bà đang sinh sống đều biết hai bà là con của ông H, bà L, nếu ông H trình bày hai bà không phải là con của ông thì ông H yêu cầu giám định ADN để xác định ông H nói đúng hay sai, ông H không đồng ý cung cấp mẫu giám định cho Tòa án trưng cầu giám định. Nay bà T, bà H1 căn cứ vào giấy khai sinh mà UBND phường 4 cấp cho hai bà vào ngày 01/10/1996 có ghi tên cha Lê Tâm H thì hai bà xác định ông H là cha hợp pháp của hai bà; trong vụ án hai bà không có liên quan, nếu ông H khởi kiện vụ án hành chính đến cơ quan cấp giấy khai sinh thì hai bà sẽ tham gia giải quyết. Bà T, bà H1 yêu cầu Tòa án giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tâm H đối với yêu cầu hủy giấy khai sinh của hai bà cũng như hủy kết hôn trái pháp luật giữa bà L và ông H.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân Thành phố Bến Tre đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 78/2022/HN-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân Thành phố Bến Tre quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 7 Điều 28 Luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 4 Điều 3 Luật tố tụng hành chính năm 2015; các Điều 5,6,7,8,9 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; Nghị quyết

35/HĐTP-TATC ngày 30/12/2016 của Hội đồng Thẩm phán TATC; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của nguyên đơn ông Lê Tâm H đối với bị đơn bà Tống Thị L.

2. Không chấp nhận yêu cầu hủy hai giấy khai sinh cấp cho Lê Thị Diễm H1, sinh năm 1991 và Lê Thị Thủy T, sinh năm 1995 do Ủy ban nhân dân Phường 4, thị xã Bến Tre (nay là thành phố Bến Tre) cấp ngày 01/10/1996. Ông Lê Tâm H được quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tâm H về việc yêu cầu bà Tống Thị L bồi thường thiệt hại 600 triệu đồng. Ông H không phải chịu án phí.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06 tháng 10 năm 2022, nguyên đơn ông Lê Tâm H kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 78/2022/HNGĐ-ST ngày 23/9/2022. Ông H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, tuyên hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông với bà Tống Thị L và hủy giấy 02 khai sinh của Lê Thị Diễm H1 và Lê Thị Thủy T.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn ông Lê Tâm H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; bị đơn bà Tống Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Diễm H1 không đồng ý kháng cáo của ông H. Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 308; Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tuyên xử theo hướng: Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Tâm H. Hủy một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 78/HNGĐ-ST ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre và đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Lê Tâm H về việc hủy 02 giấy khai sinh của bà Lê Thị Diễm H1 và bà Lê Thị Thủy T.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng. Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Tâm H và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: Nguyên đơn ông Lê Tâm H kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

[1] Ông Lê Tâm H cho rằng bà Tống Thị L đã lừa dối ông đi đăng ký kết hôn và đăng ký khai sinh cho Lê Thị Diễm H1, Lê Thị Thủy T tại Ủy ban nhân dân phường 4, thị xã Bến Tre (nay là thành phố Bến Tre) vào ngày 01/10/1996 bằng việc lợi dụng việc tổng kiểm tra dân số và hộ tịch năm 1996 và lúc này ông đang phải làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh. Với lý do: ông không có ký tên vào giấy chứng nhận kết hôn, bà L đã giả chữ ký của ông và ghi sai số chứng minh nhân dân của ông; bà cũng tự ý ghi tên cha là Lê Tâm H vào hai giấy khai sinh của bà Diễm H1 và bà Thủy T. Ngoài ra, trong giấy chứng nhận kết hôn là đóng dấu cấp lại mà đây là cấp lần đầu nên đóng dấu cấp lại là sai. Vì vậy, ông yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật với bà Tống Thị L và hủy 02 giấy khai sinh của Lê Thị Diễm H1, Lê Thị Thủy T. Bà L không đồng ý với yêu cầu của ông H, bà cho rằng việc bà được UBND phường 4 cấp giấy chứng nhận kết hôn, hai giấy khai sinh là đúng theo quy định pháp luật, việc cấp lại này là làm theo chủ trương chung của tỉnh Bến Tre vào năm 1996. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu ông H về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông H và bà L; không chấp nhận yêu cầu của ông H về việc hủy 02 giấy khai sinh cấp cho bà Diễm H1 và bà Thủy T của UBND Phường 4. Ông H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, ông yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, tuyên hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông và bà L và hủy giấy khai sinh của bà Diễm H1 và bà Thủy T.

[2] Xét kháng cáo của ông Lê Tâm H:

[2.1] Đối với kháng cáo yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông Lê Tâm H và bà Tống Thị L: Ông H thừa nhận ông đã ly hôn với bà Phạm Thị L Phương vào năm 1994, đến năm 1996 thì Ủy ban nhân dân Phường 4, thị xã Bến Tre (nay là thành phố Bến Tre) cấp giấy chứng nhận kết hôn cho ông Lê Tâm H và bà Tống Thị L vào ngày 01/10/1996, lúc này bà L vẫn chưa đăng ký kết hôn với ai. Do đó, ông H, bà L có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; việc Ủy ban nhân dân Phường 4 cấp giấy chứng nhận kết hôn cho ông H, bà L là theo kế hoạch chung của Sở Tư pháp ban hành ngày 05/12/1995 về việc cấp lại giấy chứng nhận kết hôn và giấy khai sinh. Việc ông H cho rằng ông không có ký tên vào giấy kết hôn và số chứng minh nhân dân của ông trong giấy kết hôn không đúng thì ông có quyền khiếu nại đến cơ quan cấp giấy nhưng từ năm 2001, ông H đã biết việc cấp giấy kết hôn nhưng ông không có khiếu nại về việc cấp giấy này. Ông H cho rằng ông không có kết hôn cũng như sống chung với bà L nhưng vào năm 2003 ông H và bà L có ký vào đơn thoả thuận ly dị. Ngoài ra, tại đơn khởi kiện đề ngày 02/12/2021 của ông Lê Tâm H là nguyên đơn xin ly hôn với bị đơn là bà Tống Thị L (đơn viết tay, có phần đánh máy; đơn này ông H thừa nhận tại phiên tòa là ông có ký tên và ghi họ tên), ông

H có ghi: “*Chúng tôi kết hôn vào năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 4 vào ngày 01/10/1996 do Ủy ban nhân dân Phường 4 chứng nhận. sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại 30/3, khu phố 3, Phường 4, thành phố Bến Tre. Đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Chúng tôi đã ly thân từ năm 2003 đến nay. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có. Nay tôi yêu cầu ly hôn với bà Tống Thị L”* (Bút lục: 24-25). Mặt khác, ông H đã sử dụng Giấy chứng nhận kết hôn này để đi khởi kiện vụ án dân sự tại Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre; điều này chứng minh ông H trình bày không đúng sự thật, không có căn cứ và không phù hợp theo quy định tại các Điều 5, 6, 7, 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của ông H là có căn cứ. Kháng cáo phần này của ông H là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Đối với kháng cáo yêu cầu hủy 02 giấy khai sinh của bà Lê Thị Diễm H1 và Lê Thị Thủy T do Ủy ban nhân dân Phường 4, thị xã Bến Tre (thành phố Bến Tre) cấp ngày 01/10/1996 thì nội dung này là khiếu nại thuộc lĩnh vực Hành chính hộ tịch, không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết là không đúng thẩm quyền, từ đó tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H là không đúng quy định của pháp luật, lẽ ra phải đình chỉ yêu cầu này của ông H do không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, nên cấp phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm; đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông H về yêu cầu hủy 02 giấy khai sinh của bà Lê Thị Thủy T và bà Lê Thị Diễm H1.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Tâm H; hủy một phần Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 78/2022/HNGĐ-ST ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre; đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông H về yêu cầu hủy 02 giấy khai sinh của Lê Thị Diễm H1 và Lê Thị Thủy T; Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện hủy kết hôn trái pháp luật của ông Lê Tâm H.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Lê Tâm H phải chịu. Tuy nhiên, ông Lê Tâm H thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 4 Điều 308; Điều 311 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Tâm H;

Hủy một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 78/2022/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre;

Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Lê Tâm H về yêu cầu hủy 02 giấy khai sinh của bà Lê Thị Diễm H1 và bà Lê Thị Thủy T.

Áp dụng các Điều 28, 38, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 5, 6, 7, 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986;

Áp dụng Điều 92, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của nguyên đơn ông Lê Tâm H đối với bị đơn bà Tống Thị L.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tâm H về việc yêu cầu bà Tống Thị L bồi thường thiệt hại là 600 triệu đồng. Ông H không phải chịu án phí.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Lê Tâm H được miễn nộp án phí, do ông H là người cao tuổi theo quy định.

4. Về án phí phúc thẩm: Ông Lê Tâm H được miễn nộp án phí phúc thẩm, do ông H là người cao tuổi theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND TP. Bến Tre;
- Chi cục THADS TP. Bến Tre;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THAHS tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Phạm Văn Ngọt